

GỢI Ý TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Các yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn thơ:

– Yếu tố miêu tả: thể hiện ở các chi tiết miêu tả chú bé Lượm như “chú bé loắt choắt”, “cái xác xinh xinh”, “cái chân thoăn thoắt”, “cái đầu nghênh nghênh”, “ca-lô đội lệch”, “Mồm huýt sáo vang/ Như con chim chích/ Nhảy trên đường làng”.

– Yếu tố tự sự thể hiện ở việc kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa nhân vật trữ tình và chú bé Lượm “Tình cờ chú cháu/ Gặp nhau Hàng Bè”.

2. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK, tr. 28) và kinh nghiệm đọc các VB thơ trong bài *Gia đình thương yêu* để trả lời câu hỏi này. Có thể rút ra một số lưu ý về việc đọc thơ như sau:

– Cần chú ý đến ngôn ngữ đặc sắc của bài thơ: những từ ngữ độc đáo, các biện pháp tu từ, các hình ảnh thơ được gợi ra từ ngôn ngữ...

– Cần chú ý đến yếu tố miêu tả và tự sự trong bài thơ, hiệu quả biểu đạt của các yếu tố miêu tả, tự sự ấy trong việc tăng sức gợi.

– Cần chú ý đến tình cảm, cảm xúc người viết gửi gắm qua ngôn ngữ thơ. Có thể trả lời một số câu hỏi: Bài thơ gửi gắm tình cảm, cảm xúc gì? Em có nhận xét gì về tình cảm, cảm xúc ấy? Những cảm xúc, tình cảm ấy liên hệ thế nào với bản thân em và cuộc sống xung quanh?

3. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK, bài 10) và kinh nghiệm đọc các VB thông tin trong bài *Mẹ Thiên Nhiên* để trả lời câu hỏi này. Gợi ý:

Yếu tố	Tác dụng
Sa-pô	Tóm tắt nội dung bài viết, tạo sự lôi cuốn với người đọc.
Đề mục	Giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.
Chữ in đậm	Tô đậm đề mục, làm nổi bật bố cục VB; tô đậm từ khoá trong VB, làm bật lên ý chính của VB.
Số thứ tự	Đánh dấu thứ tự các đề mục, các ý, giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.
Dấu gạch đầu dòng	Đánh dấu các phần nội dung trong VB, giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.

4. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) của bài *Điểm tựa tinh thần*, ôn lại tri thức đọc hiểu về truyện ở bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*, *Miền cổ tích* (SGK *Ngữ văn 6, tập một*) để khái quát những điều cần lưu ý khi đọc tác phẩm truyện. Cụ thể:

– Cốt truyện: Những sự việc chính của truyện là gì?

– Người kể chuyện: Người kể chuyện là ai? Truyện được kể theo ngôi kể nào?

– Nhân vật: Chú ý đến các đặc điểm của nhân vật như ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, ý nghĩ,...

5. Việc trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng trong cuộc sống thuộc kiểu VB nghị luận.

6. Tóm tắt các bước quy trình nói:

Bước	Việc cần làm
Bước 1: Xác định đề tài, thời gian và không gian nói	Trả lời các câu hỏi: Nói về đề tài gì? Nói ở đâu? Nói với ai? Nói vào lúc nào, trong thời gian bao lâu?
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	Dựa vào bước 1, chọn lọc nội dung nói cho phù hợp với thời gian, không gian nói. Lập dàn ý bài nói (có thể theo dạng sơ đồ, dạng gạch đầu dòng), sắp xếp các ý trong bài nói theo một trình tự hợp lí.
Bước 3: Luyện tập và trình bày	Luyện tập nói cho tự nhiên, nhuần nhuyễn và trình bày.
Bước 4: Trao đổi và đánh giá	Dựa vào bảng kiểm để đánh giá bài nói trong vai trò người nói và người nghe để chỉnh sửa bài nói của bản thân và các bạn cho hoàn thiện hơn.

7. Dựa vào *Tri thức tiếng Việt* (SGK Ngữ văn 6, tập hai) để trả lời câu hỏi này.

8. Sự giống nhau và khác nhau giữa từ đa nghĩa và từ đồng âm:

	Từ đa nghĩa	Từ đồng âm
Giống nhau	Đều có sự tương đồng về ngữ âm giữa các từ (đọc giống nhau)	
Khác nhau	Các từ đa nghĩa có sự tương quan về nghĩa (một từ là nghĩa gốc, một từ là nghĩa chuyển)	Các từ đồng âm không có sự tương quan về nghĩa (nghĩa khác nhau)

Gợi ý giải bài tập:

a. Từ đa nghĩa. Từ *xuân*₁ mang nghĩa gốc, nghĩa là một mùa trong năm, chuyển tiếp từ xuân sang hạ, được xem là mùa đầu tiên trong năm. Nghĩa của từ *xuân*₂ mang nghĩa chuyển, có nghĩa là làm cho đất nước càng ngày càng tươi đẹp (giống như mùa xuân).

b. Từ đồng âm. Hai từ *tranh* có nghĩa không liên quan đến nhau: *tranh*₁ chỉ tác phẩm hội hoạ, *tranh*₂ chỉ hành động tìm cách giành lấy, làm thành của mình.

c. Từ đồng âm. Từ *biển*₁ mang nghĩa gốc, có nghĩa là phần đại dương ở ven các đại lục. Từ *biển*₂ mang nghĩa chuyển, có nghĩa là mênh mông rộng lớn (giống như biển).

9. Từ thuần Việt có ý nghĩa tương đương với các từ in đậm:

STT	Từ in đậm	Từ thuần Việt tương đương
1	phẫu thuật	mổ
2	nhân loại	loài người
3	di sản	tài sản để lại
4	hải cẩu	chó biển

Nếu những từ Hán Việt trong câu trên được thay bằng từ thuần Việt tương đương thì ý nghĩa các câu sẽ thay đổi về sắc thái biểu cảm.

10. Trường hợp a, b lạm dụng từ mượn, do các từ mượn ở đây đều có từ thuần Việt tương đương và sử dụng rộng rãi trong đời sống (“phôn” – gọi điện, “sua” – chắc chắn). Việc dùng từ mượn trong trường hợp này khiến cho câu nói thiếu tự nhiên, gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

Trường hợp c sử dụng từ mượn một cách hợp lí, do tiếng Việt đã mượn từ ngữ nước ngoài để chỉ những hiện tượng mới xuất hiện như phông (font). Việc dùng từ mượn trong trường hợp này vẫn tự nhiên, không gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

11. Công dụng của dấu ngoặc kép

Ví dụ 1: đánh dấu lời dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại.

Ví dụ 2: đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường.

Ví dụ 3: đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu.

12. Việc lựa chọn cấu trúc câu có tác dụng (1) thay đổi cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh đối tượng được nói đến, (2) viết câu nhiều vị ngữ giúp cho việc miêu tả đối tượng được cụ thể, sinh động hơn.

a.1. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh hành động “tiến lại”.

a.2. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh chủ thể “hai đứa bé”.

b.1. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh sự việc “khi thắng lợi trở về”.

b.2. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh sự việc “chắc bà không còn nữa”.

c.1. Người viết lựa chọn cấu trúc câu nhiều vị ngữ, do đó đã miêu tả sinh động, cụ thể thái độ, tình cảm của “bọn tôi” trong sự việc “đám tang chú dế”.

c.2. Người viết lựa chọn cấu trúc câu chỉ có một vị ngữ, do đó chưa miêu tả được sự việc một cách sinh động, cụ thể.

13. Hướng dẫn HS đọc lại *Tri thức tiếng Việt* về đoạn văn và VB (bài *Điểm tựa tinh thần*) để tìm và điền thông tin thích hợp vào bảng.

14. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* (SGK *Ngữ văn 6*, tập hai) để trả lời. Gợi ý: Một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, biểu đồ, số liệu, ... Tác dụng của những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là bổ sung thông tin để làm rõ và tăng tính thuyết phục cho nội dung VB, giúp người đọc tiếp nhận thông tin một cách trực quan, dễ dàng hơn.

